

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(đã được soát xét)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-32
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-32

M.S.D. 76

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Chủ tịch	
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên	
Ông Hoàng Danh Sơn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Bùi Văn Lùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2018

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 05 tháng 07 năm 2018, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2018, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn 300,56 tỷ đồng, lỗ lũy kế 267,7 tỷ đồng tương ứng 52,7% vốn góp của chủ sở hữu. Những sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 - "Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi Kết luận của Kiểm toán viên nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2018



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>84.467.847.527</b>	<b>100.350.347.588</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>1.986.994.178</b>	<b>3.585.727.330</b>
111	1. Tiền		1.986.994.178	3.585.727.330
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>56.624.659.851</b>	<b>72.065.658.796</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	54.118.902.343	70.910.509.741
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.680.552.700	1.042.924.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	999.485.761	286.505.208
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>20.585.640.154</b>	<b>19.293.802.572</b>
141	1. Hàng tồn kho		20.585.640.154	19.293.802.572
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5.270.553.344</b>	<b>5.405.158.890</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	5.270.553.344	5.390.162.353
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	14.996.537
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.042.409.874.844</b>	<b>1.070.431.401.371</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.017.819.270.864</b>	<b>1.046.993.976.879</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.017.682.129.988	1.046.843.774.969
222	- Nguyên giá		1.255.382.839.911	1.255.382.839.911
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(237.700.709.923)	(208.539.064.942)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	137.140.876	150.201.910
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(108.859.124)	(95.798.090)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>945.000.000</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	945.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>23.645.603.980</b>	<b>23.437.424.492</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	23.645.603.980	23.437.424.492
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.126.877.722.371</b>	<b>1.170.781.748.959</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

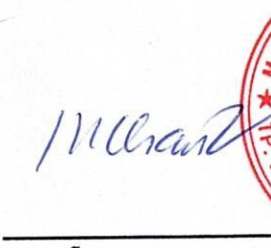
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>886.632.548.419</b>	<b>940.333.934.488</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>385.027.913.724</b>	<b>413.729.299.793</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	73.927.810.012	84.186.724.408
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	6.802.674.683	27.527.721
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	414.366.417	1.436.964.511
314	4. Phải trả người lao động		6.804.949.469	11.734.054.552
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	2.963.136.705	1.546.070.070
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	30.698.187.007	53.606.115.202
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	263.416.789.431	261.191.843.329
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>501.604.634.695</b>	<b>526.604.634.695</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	78.381.347.638	78.381.347.638
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	423.223.287.057	448.223.287.057
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>240.245.173.952</b>	<b>230.447.814.471</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>240.245.173.952</b>	<b>230.447.814.471</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(267.754.827.515)	(277.552.186.996)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(277.552.186.996)	(300.971.789.502)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		9.797.359.481	23.419.602.506
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.126.877.722.371</b>	<b>1.170.781.748.959</b>




Vũ Thu Phương  
Người lập



Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng





Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2018



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

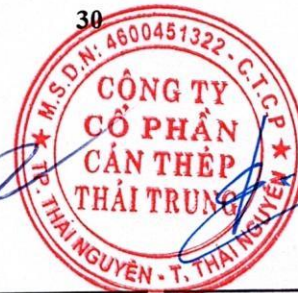
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	368.417.455.503	635.638.176.390
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		368.417.455.503	635.638.176.390
11	4. Giá vốn hàng bán	22	321.545.363.868	590.557.843.165
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.872.091.635	45.080.333.225
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	65.210.907	89.667.871
22	7. Chi phí tài chính	24	34.134.156.642	34.932.408.250
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.639.476.534	34.239.416.569
25	8. Chi phí bán hàng	25	110.224.884	493.983.826
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.092.581.270	5.433.038.398
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.600.339.746	4.310.570.622
31	11. Thu nhập khác	27	3.398.961.389	2.799.651.460
32	12. Chi phí khác	28	201.941.654	310.111.243
40	13. Lợi nhuận khác		3.197.019.735	2.489.540.217
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.797.359.481	6.800.110.839
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.797.359.481	6.800.110.839
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	193	134




Vũ Thu Phương  
Người lập



Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng



  
Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.797.359.481	6.800.110.839
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		29.174.706.015	24.349.736.930
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		27.813	(136.985)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.837.803)	(13.529.045)
06	- Chi phí lãi vay		33.639.476.534	34.239.416.569
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		72.604.732.040	65.375.598.308
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		15.455.995.482	217.797.744.630
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.291.837.582)	10.606.727.116
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.721.358.939)	(245.934.445.187)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(88.570.479)	(6.159.710.070)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(56.789.449.766)	(56.348.111.386)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	13.150.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(10.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.169.510.756	(14.659.046.589)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.837.803	13.529.045
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.837.803	13.529.045
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		326.658.588.687	256.191.266.525
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(349.433.642.585)	(235.003.011.194)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(22.775.053.898)	21.188.255.331
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.598.705.339)	6.542.737.787

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.585.727.330	3.339.551.441
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(27.813)	136.985
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>1.986.994.178</u>	<u>9.882.426.213</u>

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



Vũ Thu Phương  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2018

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 21 tháng 08 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang (sản xuất thép);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (bán buôn sắt thép, phôi thép, quặng kim loại);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và dụng cụ khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất thép);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Tại thời điểm 30/06/2018, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 300,56 tỷ đồng, lỗ lũy kế 267,75 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có các khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Thép Việt Ý và Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Trong đó, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên là bên thuê Công ty gia công thép thương hiệu TISCO, Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên sẽ cung cấp nguyên liệu chính, đồng thời bao tiêu toàn bộ sản phẩm gia công sản xuất ra do đó sẽ giảm áp lực về vốn lưu động để mua nguyên liệu và các chi phí sản xuất cho Công ty.

Việc ký được hợp đồng với Công ty Cổ phần Thép Việt Ý và có các hợp đồng cung cấp dịch vụ thường xuyên cho Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi nên khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 344,99 tỷ tại cuối năm 2015 xuống còn 267,75 tỷ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018. Chính vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

#### 2.4 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

117  
ON  
HNH  
IGI  
A  
DAN

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

5-C  
TY  
HỮU H  
EM TO  
ASC  
EM-T

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.11 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.15 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**2.19 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.20 . Thông tin bộ phận**

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	123.639.148	134.771.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.863.355.030	3.450.955.951
	<b>1.986.994.178</b>	<b>3.585.727.330</b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG****a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần thép Việt Ý	-	-	55.273.219.980	-
Chi nhánh CTCP Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Cán thép Lưu Xá	-	-	14.649.796.408	-
Chi nhánh CTCP Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Luyện thép Lưu Xá	1.512.229.950	-	813.212.400	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy	52.432.391.440	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	<b>54.118.902.343</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>70.910.509.741</b>	<b>(174.280.953)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>53.944.621.390</b>	<b>-</b>	<b>15.463.008.808</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 34.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH XNK Thương mại Kỹ thuật Hoàng Tinh Thành	-	-	847.000.000	-
Công ty TNHH cơ khí - thương mại Lê Duyên Anh	1.452.141.900	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	228.410.800	-	195.924.800	-
	<b>1.680.552.700</b>	<b>-</b>	<b>1.042.924.800</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động về Bảo hiểm	159.001.486	-	148.360.674	-
Tạm ứng	6.165.000	-	22.293.653	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu khác	774.319.275	-	55.850.881	-
	<b>999.485.761</b>	<b>-</b>	<b>286.505.208</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	<b>174.280.953</b>	<b>-</b>	<b>174.280.953</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.925.108.585	-	18.892.576.759	-
Công cụ, dụng cụ	660.531.569	-	401.225.813	-
	<b>20.585.640.154</b>	<b>-</b>	<b>19.293.802.572</b>	<b>-</b>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Toàn bộ chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 30/06/2018 là chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định Sửa chữa ray cầu trục nhà xưởng với tổng số tiền 945.000.000 đồng.

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30/06/2018 lần lượt là 246.000.000 đồng và 108.859.124 đồng. Giá trị khấu hao trong 06 tháng đầu năm 2018 là 13.061.034 đồng.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.820.804.522	2.492.269.338
Chi phí mua bảo hiểm	95.096.318	530.254.208
Tiền thuê đất 6 tháng cuối năm	77.495.793	-
Chi phí hệ thống dầu FO lò nung 85 T/H	275.617.005	826.851.015
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.001.539.706	1.540.787.792
	<b>5.270.553.344</b>	<b>5.390.162.353</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	6.747.446.011	8.302.061.667
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất	16.898.157.969	15.135.362.825
	<b>23.645.603.980</b>	<b>23.437.424.492</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	167.973.593.714	920.204.462.444	112.735.817.110	150.696.320	54.318.270.323	1.255.382.839.911
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>167.973.593.714</b>	<b>920.204.462.444</b>	<b>112.735.817.110</b>	<b>150.696.320</b>	<b>54.318.270.323</b>	<b>1.255.382.839.911</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	24.173.026.872	147.632.800.785	22.234.706.875	150.696.320	14.347.834.090	208.539.064.942
- Khấu hao trong kỳ	3.443.029.296	21.084.728.774	2.744.573.371	-	1.889.313.540	29.161.644.981
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.616.056.168</b>	<b>168.717.529.559</b>	<b>24.979.280.246</b>	<b>150.696.320</b>	<b>16.237.147.630</b>	<b>237.700.709.923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	143.800.566.842	772.571.661.659	90.501.110.235	-	39.970.436.233	1.046.843.774.969
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>140.357.537.546</b>	<b>751.486.932.885</b>	<b>87.756.536.864</b>	<b>-</b>	<b>38.081.122.693</b>	<b>1.017.682.129.988</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.017.172.072.213 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.831.142.598 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	48.892.484.520	48.892.484.520	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	8.938.240.413	8.938.240.413	49.773.266.400	49.773.266.400
Công ty Cổ phần quốc tế Hưng Thái	4.457.392.530	4.457.392.530	16.041.572.778	16.041.572.778
Công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Quỳnh Minh	-	-	1.595.893.545	1.595.893.545
Phải trả các đối tượng khác	11.639.692.549	11.639.692.549	16.775.991.685	16.775.991.685
	<b><u>73.927.810.012</u></b>	<b><u>73.927.810.012</u></b>	<b><u>84.186.724.408</u></b>	<b><u>84.186.724.408</u></b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b><u>48.928.782.253</u></b>	<b><u>48.928.782.253</u></b>	<b><u>56.941.856</u></b>	<b><u>56.941.856</u></b>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)				

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Cán thép Lưu Xá	6.802.674.683	-
Phải trả các đối tượng khác	-	27.527.721
	<b><u>6.802.674.683</u></b>	<b><u>27.527.721</u></b>
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan.</b>		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b><u>6.802.674.683</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.436.964.511	9.816.748.503	10.839.346.597	-	414.366.417
Thuế Thu nhập cá nhân	14.996.537	-	19.838.713	4.842.176	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	161.308.928	161.308.928	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>14.996.537</b>	<b>1.436.964.511</b>	<b>10.000.896.144</b>	<b>11.008.497.701</b>	<b>-</b>	<b>414.366.417</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.024.690.426	1.156.305.655
- Chi phí thẩm tra Dự án	218.379.364	223.029.364
- Chi phí phải trả khác	1.720.066.915	166.735.051
	<b>2.963.136.705</b>	<b>1.546.070.070</b>

**17 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	75.835.372	28.344.832
- Bảo hiểm y tế được chi (thuộc 2%)	8.725.735	7.461.391
- Phải trả lãi vay	30.451.951.876	53.470.309.879
+ <i>Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án trong năm 2018</i>	22.454.647.694	44.909.295.388
+ <i>Phải trả về lãi chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh</i>	3.017.531.106	3.005.596.539
+ <i>Phải trả về lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	3.151.735.335	4.030.028.154
+ <i>Phải trả về lãi tiền gia công ứng trước của Chi nhánh Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên - Nhà máy Cán thép Lưu Xá</i>	1.828.037.741	1.525.389.798
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.674.024	99.999.100
	<b>30.698.187.007</b>	<b>53.606.115.202</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả Ngân hàng về lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án từ năm 2019 đến năm 2020	78.381.347.638	78.381.347.638
	<b>78.381.347.638</b>	<b>78.381.347.638</b>
<b>c) Phải trả khác là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b>1.828.037.741</b>	<b>1.525.389.798</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**18 . VAY**

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>216.191.843.329</b>	<b>216.191.843.329</b>	<b>326.658.588.687</b>	<b>328.933.642.585</b>	<b>213.916.789.431</b>	<b>213.916.789.431</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên <sup>(1)</sup>	216.191.843.329	216.191.843.329	326.658.588.687	328.933.642.585	213.916.789.431	213.916.789.431
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>20.500.000.000</b>	<b>49.500.000.000</b>	<b>49.500.000.000</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ	45.000.000.000	45.000.000.000	25.000.000.000	20.500.000.000	49.500.000.000	49.500.000.000
	<b>261.191.843.329</b>	<b>261.191.843.329</b>	<b>351.658.588.687</b>	<b>349.433.642.585</b>	<b>263.416.789.431</b>	<b>263.416.789.431</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn (2)	493.223.287.057	493.223.287.057	-	20.500.000.000	472.723.287.057	472.723.287.057
	<b>493.223.287.057</b>	<b>493.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>20.500.000.000</b>	<b>472.723.287.057</b>	<b>472.723.287.057</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)	(25.000.000.000)	(20.500.000.000)	(49.500.000.000)	(49.500.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>448.223.287.057</b>	<b>448.223.287.057</b>			<b>423.223.287.057</b>	<b>423.223.287.057</b>

**Thông tin chi tiết cho các khoản vay:**

(1) Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn được thuyết minh tại Phụ lục 01 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

(2) Theo Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/04/2017 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung thỏa thuận điều chỉnh lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư dự án nhà máy 500.000 tấn/năm. Theo cam kết, Công ty được kéo dài thời gian trả nợ tới năm 2025 với yêu cầu trả nợ gốc tăng dần hàng năm từ 2017 đến 2025.

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả được Thuyết minh tại phụ lục 02 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(300.971.789.502)	207.028.211.965
Lãi trong kỳ trước	-	6.800.110.839	6.800.110.839
Số dư cuối kỳ trước	508.000.001.467	(294.171.678.663)	213.828.322.804
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(277.552.186.996)	230.447.814.471
Lãi trong kỳ này	-	9.797.359.481	9.797.359.481
Số dư cuối kỳ này	508.000.001.467	(267.754.827.515)	240.245.173.952

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68%	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77%	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,56%	7.914.930.000	1,56%	7.914.930.000
	<b>100%</b>	<b>508.000.001.467</b>	<b>100%</b>	<b>508.000.001.467</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	508.000.001.467	508.000.001.467
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	508.000.001.467	508.000.001.467

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ: Phường Cam Giá, Thái Nguyên để sử dụng với mục đích là làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê 49 năm từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m<sup>2</sup>. Hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Phôi nhận gia công (tấn)	54.919,091	13.241,750
- Thép nhận gửi (tấn)	35.193,897	2.525,965
	<b>90.112,988</b>	<b>15.767,715</b>

**c) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	388,29	388,29
- Đồng Euro (EUR)	58,53	64,03

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	164.098.134.270	518.284.664.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	204.319.321.233	117.353.512.060
	<b>368.417.455.503</b>	<b>635.638.176.390</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b>257.994.585.755</b>	<b>124.128.557.060</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	161.517.471.842	501.728.174.561
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.027.892.026	88.829.668.604
	<b>321.545.363.868</b>	<b>590.557.843.165</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.837.803	13.529.045
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	58.362.604	76.001.841
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	136.985
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.500	-
	<b>65.210.907</b>	<b>89.667.871</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	33.639.476.534	34.239.416.569
Lãi ứng trước tiền gia công, lãi mua hàng trả chậm	494.652.295	692.991.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	27.813	-
	<b>34.134.156.642</b>	<b>34.932.408.250</b>

**25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.088.645	6.531.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.733.938	3.726.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.852.301	458.168.375
Chi phí khác bằng tiền	64.550.000	25.557.272
	<b>110.224.884</b>	<b>493.983.826</b>

**26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	313.965.102	192.408.786
Chi phí nhân công	2.182.420.383	2.213.122.872
Chi phí khấu hao tài sản cố định	236.178.390	256.967.014
Thuế, phí, lệ phí	86.813.135	80.495.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.506.446.181	728.703.416
Chi phí khác bằng tiền	1.766.758.079	1.961.340.517
	<b>6.092.581.270</b>	<b>5.433.038.398</b>

**27 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ bán xỉ bùn, vảy cán	396.695.600	385.495.000
Nhập thép phế thu hồi từ kiểm kê	2.935.130.000	2.265.778.600
Thu nhập từ cầu phôi thép, cắt mẫu phôi	61.507.722	125.646.123
Thu nhập khác	5.628.067	22.731.737
	<b>3.398.961.389</b>	<b>2.799.651.460</b>

35 - C  
GTY  
KIỂM HỮU  
KIỂM T  
AAS  
N KIẾN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí thu gom xỉ bùn, vảy cán	101.498.536	77.126.218
Chi phí thu hồi thép phế từ kiểm kê thừa	47.562.706	100.519.290
Chi phí cầu phôi thép, cắt mẫu phôi	50.480.412	125.646.123
Chi phí khác	2.400.000	6.819.612
	<b>201.941.654</b>	<b>310.111.243</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.797.359.481	6.800.110.839
Các khoản điều chỉnh tăng	39.000.000	39.000.000
- Chi phí không hợp lệ	39.000.000	39.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(276.492.004.257)	(299.989.606.763)
- Chuyển lỗ các năm trước	(276.492.004.257)	(299.989.606.763)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(266.655.644.776)	(293.150.495.924)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.797.359.481	6.800.110.839
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.797.359.481	6.800.110.839
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.800.000	50.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>193</b>	<b>134</b>

**31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	269.196.608.986	549.302.168.762
Chi phí nhân công	14.854.482.142	13.334.873.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.174.706.015	24.349.736.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.121.236.496	3.438.642.689
Chi phí khác bằng tiền	4.916.302.196	7.958.358.575
	<b>329.263.335.835</b>	<b>598.383.780.776</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.986.994.178	-	3.585.727.330	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	55.118.388.104	(174.280.953)	71.197.014.949	(174.280.953)
	<b>57.105.382.282</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>74.782.742.279</b>	<b>(174.280.953)</b>

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	686.640.076.488	709.415.130.386
Phải trả người bán, phải trả khác	183.007.344.657	216.174.187.248
Chi phí phải trả	2.963.136.705	1.546.070.070
	<b>872.610.557.850</b>	<b>927.135.387.704</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.986.994.178	-	-	1.986.994.178
Phải thu khách hàng, phải thu khác	54.944.107.151	-	-	54.944.107.151
	<b>56.931.101.329</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>56.931.101.329</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.585.727.330	-	-	3.585.727.330
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.022.733.996	-	-	71.022.733.996
	<b>74.608.461.326</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>74.608.461.326</b>

110  
ONG  
NHIEU  
IG KI  
AA  
DANK

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
Vay và nợ	263.416.789.431	335.000.000.000	88.223.287.057	686.640.076.488
Phải trả người bán, phải trả khác	104.625.997.019	78.381.347.638	-	183.007.344.657
Chi phí phải trả	2.963.136.705	-	-	2.963.136.705
	<u><b>371.005.923.155</b></u>	<u><b>413.381.347.638</b></u>	<u><b>88.223.287.057</b></u>	<u><b>872.610.557.850</b></u>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
Vay và nợ	261.191.843.329	320.000.000.000	128.223.287.057	709.415.130.386
Phải trả người bán, phải trả khác	137.792.839.610	78.381.347.638	-	216.174.187.248
Chi phí phải trả	1.546.070.070	-	-	1.546.070.070
	<u><b>400.530.753.009</b></u>	<u><b>398.381.347.638</b></u>	<u><b>128.223.287.057</b></u>	<u><b>927.135.387.704</b></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2018	2017
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>257.994.585.755</b>	<b>124.128.557.060</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	257.994.585.755	124.128.557.060
<b>Mua hàng</b>		<b>44.962.279.957</b>	<b>299.777.064</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	44.962.279.957	299.777.064
<b>Lãi chậm thanh toán phải thu</b>		<b>58.362.604</b>	<b>76.001.841</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	58.362.604	76.001.841
<b>Lãi tiền gia công ứng trước phải trả</b>		<b>361.010.547</b>	<b>264.672.067</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	361.010.547	264.672.067

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>53.944.621.390</b>	<b>15.463.008.808</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	53.944.621.390	15.463.008.808
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>48.928.782.253</b>	<b>56.941.856</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	48.928.782.253	56.941.856
<b>Người mua trả tiền trước</b>		<b>6.802.674.683</b>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	6.802.674.683	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>1.828.037.741</b>	<b>1.525.389.798</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	1.828.037.741	1.525.389.798

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	95.000.000	147.947.208
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	177.500.000	381.019.509



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÈP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



**Vũ Thu Phương**  
Người lập



**Nguyễn Thị Minh Châu**  
Kế toán trưởng



**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 07 năm 2018

Ứ  
C  
CH  
NG  
A  
W

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

**Chi tiết khoản vay ngắn hạn**

STT	Số hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo	
<b>I</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</b>							
1	09/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	640.956.948	640.956.948	Thanh toán tiền mua vật tư, tiền điện, tiền BHXH.	Tín chấp	
2	10/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	3.344.077.150	3.344.077.150	Thanh toán tiền dầu FO, tiền mua vật tư.	Tín chấp	
3	11/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	10.007.152.083	10.007.152.083	Thanh toán tiền lương, tiền mua khí CNG, tiền mua vật tư.	Tín chấp	
4	12/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	2.242.848.300	2.242.848.300	Thanh toán tiền dầu FO, tiền mua vật tư.	Tín chấp	
5	13/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	8.455.667.690	8.455.667.690	Thanh toán tiền điện, tiền mua dầu FO, tiền mua vật tư, tiền BHXH.	Tín chấp	
6	14/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	14.879.627.020	14.879.627.020	Thanh toán tiền mua khí CNG, tiền mua vật tư, tiền lương.	Tín chấp	
7	15/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	1.860.889.900	1.860.889.900	Thanh toán tiền mua vật tư, tiền mua dầu FO, tiền sửa chữa TSCĐ, tiền mua thực phẩm ăn ca.	Tín chấp	
8	16/2018/2573181/HĐTD	8,4%	5 tháng	7.467.382.352	7.467.382.352	Thanh toán tiền điện, tiền BHXH, tiền mua vật tư.	Tín chấp	
9	17/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	4.538.190.439	4.538.190.439	Thanh toán tiền mua vật tư, tiền sửa chữa TSCĐ.	Tín chấp	
10	18/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	1.744.480.000	1.744.480.000	Thanh toán tiền mua dầu FO, tiền mua vật tư.	Tín chấp	
11	19/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	16.386.838.432	16.386.838.432	Thanh toán tiền mua khí CNG, tiền mua vật tư, tạm ứng thanh toán HĐ, tiền mua thực phẩm ăn ca, tiền lương.	Tín chấp	
12	20/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	488.400.000	488.400.000	Tạm ứng giá trị hợp đồng.	Tín chấp	
13	21/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	3.820.672.344	3.820.672.344	Thanh toán tiền mua vật tư, tiền mua dầu FO, tiền BHXH.	Tín chấp	
14	22/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	7.769.095.259	7.769.095.259	Thanh toán tiền mua vật tư, tiền điện.	Tín chấp	
15	23/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	1.606.275.000	1.606.275.000	Thanh toán tiền mua dầu FO.	Tín chấp	
16	24/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	13.347.163.966	13.347.163.966	Thanh toán tiền mua khí CNG.	Tín chấp	
17	25/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	4.117.065.988	4.117.065.988	Thanh toán tiền mua vật tư, mua thực phẩm ăn ca, mua dầu DO, tiền sửa chữa TSCĐ, tiền lương.	Tín chấp	
18	26/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	103.336.241.250	103.336.241.250	Thanh toán tiền mua phối thép.	Tín chấp	
19	27/2018/2573181/HĐTD	8,0%	5 tháng	7.863.765.310	7.863.765.310	Thanh toán tiền sửa chữa TSCĐ, tiền BHXH, tiền mua vật tư, tiền điện, tiền mua dầu FO.	Tín chấp	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>213.916.789.431</b>	<b>213.916.789.431</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

**PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN**

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2018	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên</b>				<b>205.965.526.210</b>	<b>21.567.150.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	205.965.526.210	21.567.150.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang</b>				<b>62.021.297.579</b>	<b>9.746.550.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	62.021.297.579	9.746.550.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)</b>				<b>93.079.218.697</b>	<b>6.494.400.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	93.079.218.697	6.494.400.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân Hàng NN&amp;PT Nông thôn CN Thái Nguyên</b>				<b>49.635.946.993</b>	<b>5.197.500.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	49.635.946.993	5.197.500.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)</b>				<b>31.010.648.789</b>	<b>3.247.200.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	31.010.648.789	3.247.200.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên</b>				<b>31.010.648.789</b>	<b>3.247.200.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	31.010.648.789	3.247.200.000	Tài sản thế chấp
	<b>Tổng cộng</b>			<b>472.723.287.057</b>	<b>49.500.000.000</b>	

(\*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

